

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09-5-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Duyên và bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị P**, sinh năm 1991, địa chỉ: **Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, có mặt

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1988, địa chỉ: **Thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, vắng mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1. **Ngân hàng N**, địa chỉ: **Số B, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội**.
Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Châu G** - Phó Giám đốc **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T**, vắng mặt

3.2. **Ngân hàng C1**, địa chỉ: **Số A, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội**.
Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Thành T1** - Phó Giám đốc **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1**, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị **Đinh Thị P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh **Nguyễn Ngọc T** vào ngày 07/12/2009, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**. Sau khi kết hôn anh chị ở chung cùng gia đình nhà anh **T** đến năm 2014 thì ra ở riêng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Đỉnh điểm là năm 2022 anh chị đã không còn nói chuyện, chia sẻ công việc gia đình và đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị và anh **T** có 03 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc V**, sinh ngày 19/12/2010, cháu **Nguyễn Quốc C**, sinh ngày 09/12/2012 và cháu **Nguyễn Thu H**, sinh ngày 12/4/2016. Hiện nay cháu **V** và cháu **H** đang ở cùng chị, còn cháu **C** đang ở cùng anh **T**. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu **V** và cháu **H**, để anh **T** tiếp tục nuôi cháu **C**, chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị **P** trình bày vợ chồng chị có các tài sản chung gồm: Một thửa đất thổ cư có diện tích 162m² tại thửa đất số 483, tờ bản đồ 18 tại **thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, trên đất có một ngôi nhà xây tường gạch 10 lợp tôn chống nóng, công trình phụ khép kín. Nguồn gốc đất là do năm 2014 bố mẹ chồng chị cho chung hai vợ chồng một thửa đất, khoảng năm 2015 - 2016 vợ chồng chị làm nhà cấp 4 và chuồng trại chăn nuôi trên đất (hết khoảng 300.000.000đồng đến 400.000.000đồng), sau đó sử dụng đến năm 2020 thì bán cho người khác được 600.000.000đồng. Sau khi bán thì vợ chồng chị lấy tiền mua thửa đất số 483, tờ bản đồ 18 diện tích 162m² nêu trên, mua hết 700.000.000đồng. Tài sản trên đất hiện nay là do vợ chồng chị cùng xây năm 2021, hiện nay anh **T** đang quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất nêu trên. Tổng giá trị tài sản chung khoảng 1.300.000.000đồng và hiện nay đang thế chấp vay vốn tại **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T** để vay số tiền 300.000.000đồng. Về công nợ: Vợ chồng chị vay **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T** số tiền 300.000.000đồng, vay **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1** số tiền 20.000.000đồng. Tổng số tiền vợ chồng chị vay của hai Ngân hàng là 320.000.000đồng. Ngoài ra còn một số khoản vay của người thân. Ly hôn nếu anh **T** nhận trách

nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ thì chị đồng ý để anh **T** được sở hữu toàn bộ tài sản chung. Chị yêu cầu anh **T** trả ngay các khoản nợ trên.

Ngày 10/4/2024 chị **P** xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị **P** như chị **P** trình bày là đúng. Giữa anh và chị **P** đã mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn. Chị **P** xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị **P** có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 19/12/2010, cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 12/4/2016. Hiện nay cháu **V** và cháu **H** đang ở cùng chị **P**, còn cháu **C** đang ở cùng anh. Ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi cháu **C**, để chị **P** tiếp tục nuôi cháu **V** và cháu **H**, anh không yêu cầu chị **P** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Anh và chị **P** có các tài sản chung và các khoản nợ như chị **P** trình bày là đúng, anh không bổ sung gì. Nay chị **P** đề nghị giải quyết để anh được sở hữu toàn bộ tài sản và chịu trách nhiệm trả ngay toàn bộ các khoản nợ, anh không thu xếp được để trả ngay toàn bộ các khoản nợ trên. Anh yêu cầu trả dần trong khoảng thời gian 5 tháng.

Về công sức: Chị **P** và anh **T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng N do người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Châu G trình bày: Ngày 23/12/2020 Ngân hàng N cùng ông Nguyễn Ngọc T ký kết Hợp đồng tín dụng số: 2807-LAV-202004550 (có ủy quyền của bà Đinh Thị P) với số tiền vay: 300.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 23/12/2020, mục đích vay: kinh doanh phụ liệu làm tóc. Đến thời điểm hiện tại, khoản vay đã quá hạn nợ lãi từ ngày 09/10/2023. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 848586 đứng tên ông Nguyễn Ngọc T và bà Đinh Thị P và toàn bộ tài sản có giá trị khác trên đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2807-LCL-202002565/HĐTC ngày 15/12/2020 đã ký kết giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Ngọc T và bà Đinh Thị P. Tài sản bảo đảm gồm: Đất ở: 50 m², đất trồng cây lâu năm 112m²; toàn bộ những tài sản có giá trị gắn liền trên đất với tổng trị giá: 406.720.000đồng. Giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CX 848586 đứng tên ông Nguyễn Ngọc T và bà Đinh Thị P. Tính đến hết ngày 23/10/2023, tổng dư nợ của ông Nguyễn

Ngọc T và bà Đinh Thị P tạm tính là: 309.924.658đồng, trong đó: Nợ gốc là 300.000.000đồng, nợ lãi 9.924.658đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Đinh Thị P tất toán các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các phí, chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày 23/10/2023 là 309.924.658 đồng; cùng các khoản lãi, phí phát sinh sau ngày 23/10/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc, lãi tiền vay và các khoản phí, chi phí khác theo quy định. Trong trường hợp ông Nguyễn Ngọc T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Ngọc T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2807-LCL-202002565/HĐTC ngày 15/12/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để tất toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi, phí, chi phí liên quan theo quy định thì đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi, phí, chi phí phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại các tài sản khác của ông Nguyễn Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ vay.

Ngày 22/01/2024, Ngân hàng N đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng Chính sách xã hội do người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thành T1 trình bày: Ngày 05/5/2020, Ngân hàng C1 có cho hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc T và bà Đinh Thị P vay số tiền 20.000.000đồng theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường với lãi suất là 9%/năm và hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/5/2025. Tính đến nay: Nợ gốc còn lại là 20.000.000đồng, tiền lãi đã nộp hết tháng 9 năm 2023. Nay anh T và chị P làm thủ tục xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, vì vậy Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh T và chị P có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng, số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng, nợ lãi kể từ tháng 10 năm 2023 cho đến khi trả hết nợ gốc với mức lãi suất 9%/năm.

Ngày 05/4/2024, Ngân hàng C1 đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được thực hiện đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 48, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đinh Thị P**, cho chị **Đinh Thị P** ly hôn anh **Nguyễn Ngọc T**. Về con chung: Giao cho chị **P** tiếp tục nuôi cháu **Nguyễn Ngọc V** và cháu **Nguyễn Thu H**, giao cho anh **T** tiếp tục nuôi cháu **Nguyễn Quốc C**. Về tài sản, công nợ: Không xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu độc lập của **Ngân hàng N** và **Ngân hàng C1**. Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho **Ngân hàng N**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Đinh Thị P** có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh **Nguyễn Ngọc T** và đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung, anh **T** có nơi cư trú tại **xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**. Do đó, xác định đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh **Nguyễn Ngọc T**, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông **Nguyễn Châu G** và ông **Nguyễn Thành T1** đều đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**, ông **G** và ông **T1** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đinh Thị P** và anh **Nguyễn Ngọc T** kết hôn với nhau từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H**, hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau và ly thân nhau từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, cả anh **T** và chị **P** đều trình bày quan điểm thể hiện nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị **P** và anh **T** là trầm trọng, đòi

sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị P và cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 19/12/2010, cháu Nguyễn Quốc C, sinh ngày 09/12/2012 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 12/4/2016. Hiện nay cháu V và cháu H đang ở cùng chị P, còn cháu C đang ở cùng anh T. Ly hôn chị P xin được nuôi cháu V và cháu H, anh T xin được nuôi cháu C. Tòa án đã lấy lời khai con chung của anh chị, nguyện vọng của cháu V và cháu H muốn được ở cùng chị P, cháu C muốn được với cùng anh T. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị P và anh T là chính đáng, anh chị đều đủ điều kiện nuôi con. Do đó giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và cháu H; giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản, công nợ: Quá trình giải quyết vụ án, chị P có yêu cầu chia tài sản, công nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, sau đó anh chị đã tự giải quyết với nhau về việc chia tài sản, công nợ chung nên ngày 10/4/2024 chị P đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết về tài sản, công nợ. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N và Ngân hàng C1: Ngày 22/01/2024, Ngân hàng N có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Ngày 05/4/2024, Ngân hàng C1 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 235, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng N và Ngân hàng C1 là phù hợp.

[2.5] Về công sức: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Ngân hàng N được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Đinh Thị P** ly hôn anh **Nguyễn Ngọc T**.
2. Về con chung: Giao cho chị **Đinh Thị P** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc V**, sinh ngày 19/12/2010 và cháu **Nguyễn Thu H**, sinh ngày 12/4/2016; anh **Nguyễn Ngọc T** tiếp tục nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Quốc C**, sinh ngày 09/12/2012. Chị **P** và anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.
3. Đình chỉ yêu cầu độc lập thụ lý số 300a/2023/TB-TLVA ngày 01/11/2023 của **Ngân hàng N** và **Ngân hàng C1** đối với chị **Đinh Thị P**, anh **Nguyễn Ngọc T**. **Ngân hàng N** và **Ngân hàng C1** có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định pháp luật.
- 4 Về án phí: Chị **Đinh Thị P** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.000.000đồng đã nộp tại biên lai số: 0001527 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương. Hoàn trả chị **Đinh Thị P** 3.700.000đồng.
Ngân hàng N và **Ngân hàng C1** không phải chịu án phí, hoàn trả **Ngân hàng N** 7.750.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0006768 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Dương.
5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Minh Hoàng